

Số: 16/CBTT-CMC

Việt Trì, ngày 30 tháng 01 năm 2024

V/v: Báo cáo tài chính riêng năm 2023

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;**  
**- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;**  
**- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.**

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần CMC (“CMC”)
2. Mã chứng khoán: CVT
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô B10-B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.
4. Số điện thoại: 02103 991706
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Đức Huy
6. Nội dung của thông tin công bố gồm:

***Công ty cổ phần CMC công bố thông tin về Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.***

7. Địa chỉ Website đăng tải thông tin công bố: Các thông tin công bố Archives - CMC Tiles

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TC.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**  
*Người đại diện theo pháp luật*



**Trần Đức Huy**

Công ty Cổ phần CMC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 18/CV-CMC

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

V/v: giải trình chênh lệch kết quả SXKD  
Q4/2023 so với cùng kỳ

**Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh  
Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội  
UBCK Nhà nước**

Căn cứ vào báo cáo tài chính Quý 4 năm 2023 của Công ty Cổ phần CMC, so sánh số cùng kỳ năm 2022 có sự chênh lệch về lợi nhuận sau thuế vì vậy, Công ty Cổ phần CMC báo cáo giải trình như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Báo cáo riêng	Báo cáo hợp nhất
1	Lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2023	Tr đồng	25.520	(14.221)
2	Lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2022	Tr đồng	72.764	38.912
3	Biến động so với cùng kỳ năm trước	Tr đồng	-47.244	-53.133
4	Biến động so với cùng kỳ năm trước	%	-64 %	-136%

**Nguyên nhân do các yếu tố sau:**

Chi phí quản lý quý 4 năm 2023 tăng 8 tỷ so với cùng kỳ năm 2022

Vậy Công ty Cổ phần CMC làm báo cáo này để trình Sở GDCK TPHCM để CBTT ra thị trường.

Việt Trì, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Công ty Cổ phần CMC



Trần Đức Huy

**Công ty Cổ phần CMC**

**Báo cáo tài chính riêng**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Lô B10 – B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Bảng cân đối kế toán	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 27

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Lô B10 – B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMC (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ông Trần Đức Huy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên
Bà Vũ Thị Loan	Thành viên
Ông Trần Huy Ánh	Thành viên
Ông Phan Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

**BAN KIỂM SOÁT**

Bà Phan Thùy Giang	Trưởng ban kiểm soát
Ông Trần Đức Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Oanh	Thành viên

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông Nguyễn Văn Quý	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2023
Bà Vũ Thị Loan	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 01 năm 2024
Ông Vũ Đức Hồ Viễn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Huy Ánh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 01 năm 2024

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Lô B10 – B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

---

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



**Nguyễn Văn Quý**  
**Quyền Tổng Giám đốc**

Ngày 30 tháng 01 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.640.080.444.070</b>	<b>1.616.673.352.870</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>160.727.540.938</b>	<b>165.968.269.457</b>
1. Tiền	111		49.377.540.938	65.928.269.457
2. Các khoản tương đương tiền	112		111.350.000.000	100.040.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>24.800.000.000</b>	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		24.800.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>818.038.830.390</b>	<b>743.096.205.519</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	245.848.732.236	80.067.385.128
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	167.564.898.148	291.895.480.295
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	150.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	406.837.474.912	222.988.013.361
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.212.274.906)	(1.854.673.265)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>627.882.994.756</b>	<b>670.560.376.249</b>
1. Hàng tồn kho	141		633.881.354.834	677.434.447.947
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.998.360.078)	(6.874.071.698)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.631.077.986</b>	<b>37.048.501.645</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	6.295.337.549	2.264.430.563
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	16	1.234.335.819	22.248.210.336
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	1.101.404.618	12.535.860.746

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.640.276.776.574</b>	<b>1.735.318.031.303</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>797.727.045.741</b>	<b>908.329.254.598</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	791.589.810.745	905.221.184.166
- Nguyên giá	222		2.057.926.170.693	2.036.515.142.797
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.266.336.359.948)	(1.131.293.958.631)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		2.888.484.970	3.108.070.432
- Nguyên giá	225		3.254.460.741	3.254.460.741
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(365.975.771)	(146.390.309)
3. Tài sản cố định vô hình	227		3.248.750.026	-
- Nguyên giá	228		3.390.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(141.249.974)	-
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>11</b>	<b>30.711.000.000</b>	<b>31.240.500.000</b>
- Nguyên giá	231		31.770.000.000	31.770.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.059.000.000)	(529.500.000)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>63.901.836.113</b>	<b>43.344.881.786</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		63.901.836.113	43.344.881.786
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>700.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		700.000.000.000	700.000.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>47.936.894.720</b>	<b>52.403.394.919</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	47.936.894.720	52.403.394.919
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>3.280.357.220.644</b>	<b>3.351.991.384.173</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.381.579.608.007</b>	<b>2.486.294.114.530</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.363.256.162.865</b>	<b>1.304.288.795.358</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	284.978.872.347	358.098.508.860
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	2.298.574.065	29.183.310.940
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	23.026.029.171	15.445.044.467
4. Phải trả người lao động	314		9.467.298.866	27.488.461.373
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	45.683.235.752	46.095.152.662
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	164.605.800.315	215.410.660.473
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	833.196.352.349	612.567.656.583
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.018.323.445.142</b>	<b>1.182.005.319.172</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	-	7.500.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	1.018.323.445.142	1.174.505.319.172
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>898.777.612.637</b>	<b>865.697.269.643</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>894.324.677.953</b>	<b>860.432.186.311</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		366.908.870.000	366.908.870.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		366.908.870.000	366.908.870.000
1. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.876.824.710	14.876.824.710
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		71.192.140.926	71.192.140.926
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		441.346.842.317	407.454.350.675
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		407.454.350.675	318.440.495.895
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		33.892.491.642	89.013.854.780
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>4.452.934.684</b>	<b>5.265.083.332</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		4.452.934.684	5.265.083.332
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>3.280.357.220.644</b>	<b>3.351.991.384.173</b>



Vũ Thị Thùy Linh  
 Người lập



Nguyễn Thị Bình Minh  
 Kế toán trưởng



Ngày 30 tháng 01 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Lô B10 – B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân  
Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND		
			Quý 4/2023	Quý 4/2022	Lũy kế năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	519.617.421.625	582.537.711.095	2.004.727.458.508
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	82.814.443.337	15.246.058.784	172.318.583.162
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		436.802.978.288	567.291.652.311	1.832.408.875.346
4. Giá vốn hàng bán	11	22	386.805.710.611	461.480.972.394	1.525.365.749.332
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.997.267.677	105.810.679.917	307.043.126.014
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	71.431.717.652	61.596.234.786	101.479.481.273
7. Chi phí tài chính	22	24	51.822.618.905	50.863.909.600	207.718.600.083
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		48.233.497.759	43.040.188.340	193.322.081.453
8. Chi phí bán hàng	25	25	19.420.062.000	18.408.356.638	83.165.589.950
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	22.794.341.326	14.571.891.272	76.255.658.783
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.391.963.099	83.562.757.192	41.382.758.472
11. Thu nhập khác	31		557.244.178	62.673.472	817.199.554
12. Chi phí khác	32		473.285.425	12.937.345	3.236.515.771
13. Lỗ khác	40		83.958.753	49.736.127	(2.419.316.217)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.475.921.852	83.612.493.319	38.963.442.255
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	1.955.415.770	10.848.422.321	5.070.950.613
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.520.506.082	72.764.070.999	33.892.491.642
					89.013.854.780

*(Signature)*

Vũ Thị Thùy Linh  
Người lập

Ngày 30 tháng 01 năm 2024



*(Signature)*  
Nguyễn Văn Quý  
Quyền Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>38.963.442.255</b>	<b>103.708.341.838</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	135.990.858.579	145.804.444.583
Các khoản dự phòng	03	(518.109.979)	(90.465.441)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	263.736.490	130.196.569
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(101.104.786.225)	(78.256.131.210)
Chi phí lãi vay	06	206.922.081.453	161.717.506.427
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>280.517.222.573</b>	<b>333.013.892.766</b>
Tăng các khoản phải thu	09	(31.694.203.544)	(391.473.667.540)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	43.541.571.681	(171.787.452.420)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(129.021.284.110)	314.833.092.711
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	435.593.213	(36.985.677.125)
Tiền lãi vay đã trả	14	(197.109.035.128)	(144.542.879.580)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.694.487.058)	(24.190.250.112)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(48.024.622.373)</b>	<b>(121.132.941.300)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(72.121.784.777)	(258.499.548.167)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.136.363.636	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.012.792.000.000)	(846.967.054.795)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	981.900.807.995	839.208.246.800
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	94.896.108.569	22.079.635.759
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6.980.504.577)</b>	<b>(244.178.720.403)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.575.304.039.817	1.969.755.600.001
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.525.622.923.536)	(1.524.072.803.492)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>49.681.116.281</b>	<b>445.682.796.509</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(5.324.010.669)</b>	<b>80.371.134.806</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>165.968.269.457</b>	<b>85.626.140.208</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	83.282.150	(29.005.557)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>160.727.540.938</b>	<b>165.968.269.457</b>

  
Vũ Thị Thùy Linh  
Người lập

Ngày 30 tháng 01 năm 2024

  
Nguyễn Thị Bình Minh  
Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần CMC (“Công ty”) tiền thân là Công ty Công nghiệp Bê tông và Vật liệu Xây dựng được cổ phần hóa theo Quyết định số 484/QĐ - BXD ngày 23 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2600106523, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 20 tháng 4 năm 2006, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 13 vào ngày 29 tháng 04 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét và sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô B10 - B11, KCN Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ và chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***Cơ cấu tổ chức***

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có khoản đầu tư vào công ty con với thông tin cụ thể như sau:

<b>Tên công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT	Lô B10-B11, KCN Thụy Vân, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	99,986%	99,986%	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; hoạt động tư vấn đầu tư.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

***Mục đích lập báo cáo tài chính riêng***

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

***Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

***Hình thức sổ kế toán áp dụng***

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy tính.

***Năm tài chính***

Năm tài chính năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

***Đơn vị tiền tệ trong kế toán***

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

***Dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

***Các khoản phải thu***

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

***Tài sản cố định hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

***Thuê tài sản***

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

***Khấu hao***

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	2 - 15 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

***Chi phí đi vay***

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

***Chi phí trả trước***

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

***Các khoản đầu tư***

***Đầu tư vào công ty con***

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

***Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư***

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.



Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

***Các khoản phải trả và chi phí trích trước***

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

***Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

***Phân chia lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ Quỹ đầu tư và phát triển  
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- ▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi  
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

***Ghi nhận doanh thu***

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

***Tiền lãi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

***Cổ tức***

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

***Thuế***

***Thuế thu nhập hiện hành***

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

***Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

***Thông tin theo bộ phận***

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét và sản xuất các sản phẩm gốm sứ. Toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

***Các bên liên quan***

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	98.283.277	1.026.636.569
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	49.279.257.661	64.901.632.888
Tương đương tiền	111.350.000.000	100.040.000.000
	<u><b>160.727.540.938</b></u>	<u><b>165.968.269.457</b></u>

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty CP Vật liệu Xây dựng và Giải pháp Cơ điện DNP SKY	48.892.497.298	20.636.922.312
Công ty TNHH SSE	44.826.657.658	-
Công ty TNHH Phát triển thương mại và Công nghiệp FCC	41.963.633.215	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	110.165.944.065	59.430.462.816
	<u><b>245.848.732.236</b></u>	<u><b>80.067.385.128</b></u>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tạm ứng để mua vật tư, nguyên vật liệu và hàng hóa	135.826.098.142	282.961.875.835
Tạm ứng để mua máy móc thiết bị	1.872.400.000	2.413.800.000
Tạm ứng khác	29.866.400.006	6.519.804.460
	<u><b>167.564.898.148</b></u>	<u><b>291.895.480.295</b></u>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
--	---------------------------	--------------------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Tạm ứng cho người lao động	16.720.344.514	10.849.192.721
Phải thu khác	390.117.130.398	212.138.820.640
	<b>406.837.474.912</b>	<b>222.988.013.361</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	257.421.568.724	-	266.349.181.958	-
Công cụ, dụng cụ	146.493.739	-	1.701.086.677	-
Thành phẩm	364.270.724.105	(5.998.360.078)	404.532.128.566	(6.874.071.698)
Hàng hoá	8.026.631.173	-	3.583.893.400	-
Hàng gửi bán	4.015.937.093	-	1.268.157.346	-
	<b>633.881.354.834</b>	<b>(5.998.360.078)</b>	<b>677.434.447.947</b>	<b>(6.874.071.698)</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.323.681.636	382.825.451
Các khoản khác	3.971.655.913	1.881.605.112
	<b>6.295.337.549</b>	<b>2.264.430.563</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.912.354.950	12.076.338.031
Chi phí cải tạo, sửa chữa lớn	10.167.835.715	10.695.213.538
Chi phí quảng cáo	23.783.978.934	24.158.448.744
Các khoản khác	1.072.725.121	5.473.394.606
	<b>47.936.894.720</b>	<b>52.403.394.919</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	353.742.477.173	1.607.454.013.869	1.768.609.615	73.550.042.140	2.036.515.142.797
Tăng trong năm	290.201.852	20.118.261.600	-	3.767.064.444	24.175.527.896
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(2.764.500.000)	(2.764.500.000)
Số dư cuối năm	354.032.679.025	1.627.572.275.469	1.768.609.615	74.552.606.584	2.057.926.170.693
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	225.505.578.640	863.468.095.645	1.688.908.346	40.631.376.000	1.131.293.958.631
Khấu hao trong năm	19.260.931.100	110.058.985.117	39.074.397	5.683.410.703	135.042.401.317
Số dư cuối năm	244.766.509.740	973.527.080.762	1.727.982.743	46.314.786.703	1.266.336.359.948
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	128.236.898.533	743.985.918.224	79.701.269	32.918.666.140	905.221.184.166
Tại ngày cuối năm	109.266.169.285	654.045.194.707	40.626.872	28.237.819.881	791.589.810.745

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, một số tài sản cố định của Công ty được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 19.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<b>Nhà xưởng và quyền sử dụng đất</b>	
	<b>VND</b>	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm		31.770.000.000
Tăng trong năm		-
Số dư cuối năm		<u>31.770.000.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm		529.500.000
Trích khấu hao trong năm		529.500.000
Số dư cuối năm		<u>1.059.000.000</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm		<u>31.240.500.000</u>
Tại ngày cuối năm		<u>30.711.000.000</u>

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công trình xây dựng dở dang	63.901.836.113	43.344.881.786
	<u>63.901.836.113</u>	<u>43.344.881.786</u>

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<i>Giá gốc và giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc và giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào công ty con	700.000.000.000	-	700.000.000.000	-
	<u>700.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>700.000.000.000</u>	<u>-</u>

Đầu tư vào công ty con là khoản góp vốn đầu tư 99,986% vốn điều lệ trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT với tổng giá trị vốn góp là 700.000.000.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Công ty cổ phần IDC	21.075.082.390	16.376.197.960
Công ty TNHH Tasco Land	16.200.000.001	3.300.000.000
Cty TNHH Kinh doanh Frit Thừa Thiên Huế	14.400.472.774	9.416.222.475
Phải trả đối tượng khác	233.303.317.182	329.006.088.425
	<b><u>284.978.872.347</u></b>	<b><u>358.098.508.860</u></b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hộ kinh doanh Phạm Thị Lan	-	6.267.089
Khác	2.298.574.065	29.177.043.851
	<b><u>2.298.574.065</u></b>	<b><u>29.183.310.940</u></b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CMC  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải trả đầu kỳ	Số phải nộp /thu trong kỳ	Số đã thực nộp /thu trong kỳ	Giảm khác	Số phải thu cuối kỳ	Số phải trả cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	22.248.210.336	-	130.786.332.357	120.098.626.274	-	1.234.335.819	12.794.840.072
Thuế xuất, nhập khẩu	11.374.596.916	-	137.301.250	11.481.658.575	-	30.239.591	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	15.114.879.082	5.070.950.613	14.694.487.058	420.392.024	-	5.070.950.613
Thuế thu nhập cá nhân	1.161.263.830	-	3.287.217.715	3.377.316.518	-	1.071.165.027	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	330.165.385	4.830.073.101	-	-	-	5.160.238.486
	<b>34.784.071.082</b>	<b>15.445.044.467</b>	<b>144.111.875.036</b>	<b>149.652.088.425</b>	<b>420.392.024</b>	<b>2.335.740.437</b>	<b>23.026.029.171</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu phải trả	45.683.235.752	46.095.152.662
	<b>45.683.235.752</b>	<b>46.095.152.662</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.096.711.245	1.102.935.645
Phải trả chi phí phát hành trái phiếu	7.500.000.000	18.000.000.000
Phải trả đại lý tiền chiết khấu đặt cọc	18.512.845.902	26.591.881.829
Phải trả LC	70.908.791.473	85.018.298.631
Phải trả hợp tác đầu tư	55.973.900.000	72.161.900.000
Phải trả ngắn hạn khác	10.613.551.695	12.535.644.368
	<b>164.605.800.315</b>	<b>215.410.660.473</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Phải trả chi phí phát hành trái phiếu	-	7.500.000.000
	-	<b>7.500.000.000</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	VND Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngân hàng	417.393.462.657	417.393.462.657	1.564.914.878.563	1.329.122.668.863	653.185.672.357	653.185.672.357
Vay ngân hàng dài hạn	95.888.513.934	95.888.513.934	79.600.000.000	95.888.513.934	79.600.000.000	79.600.000.000
đến hạn trả						
Trái phiếu dài hạn đến	98.625.000.000	98.625.000.000	101.125.000.000	100.000.000.000	99.750.000.000	99.750.000.000
hạn trả						
Nợ thuế tài chính dài	660.679.992	660.679.992	611.740.740	611.740.740	660.679.992	660.679.992
hạn đến hạn trả						
	<b>612.567.656.583</b>	<b>612.567.656.583</b>	<b>1.746.251.619.303</b>	<b>1.525.622.923.537</b>	<b>833.196.352.349</b>	<b>833.196.352.349</b>
<b>I nợ thuế tài chính dài hạn</b>						
Vay ngân hàng	204.344.395.827	204.344.395.827	11.554.866.710	79.600.000.000	136.299.262.537	136.299.262.537
Thuế tài chính	1.706.756.678	1.706.756.678	12.225.000.000	99.750.000.000	(85.818.243.322)	(85.818.243.322)
Trái phiếu dài hạn	968.454.166.667	968.454.166.667	-	611.740.740	967.842.425.927	967.842.425.927
	<b>1.174.505.319.172</b>	<b>1.174.505.319.172</b>	<b>23.779.866.710</b>	<b>179.961.740.740</b>	<b>1.018.323.445.142</b>	<b>1.018.323.445.142</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	366.908.870.000	14.876.824.710	71.192.140.926	318.440.495.895	771.418.331.531
trước					
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	89.013.854.780	89.013.854.780
Số dư cuối năm	366.908.870.000	14.876.824.710	71.192.140.926	407.454.350.675	860.432.186.311
trước					
Số dư đầu năm	366.908.870.000	14.876.824.710	71.192.140.926	407.454.350.675	860.432.186.311
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	33.892.491.642	33.892.491.642
Số dư cuối năm	366.908.870.000	14.876.824.710	71.192.140.926	441.346.842.317	894.324.677.953

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Cổ phiếu**

	<i>Số lượng</i>	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>36.690.887</b>	<b>36.690.887</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>36.690.887</b>	<b>36.690.887</b>
Cổ phiếu phổ thông	36.690.887	36.690.887
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>36.690.887</b>	<b>36.690.887</b>
Cổ phiếu phổ thông	36.690.887	36.690.887
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	2.004.727.458.508	2.065.191.370.532
	<b>2.004.727.458.508</b>	<b>2.065.191.370.532</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	172.318.583.162	43.649.911.512
	<b>172.318.583.162</b>	<b>43.649.911.512</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn hàng bán	1.526.241.460.952	1.680.140.072.921
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(875.711.620)	(942.245.937)
	<b>1.525.365.749.332</b>	<b>1.679.197.826.984</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền gửi, cho vay, đầu tư	40.741.295.064	24.939.687.449
Lợi nhuận từ công ty con	60.363.491.161	53.316.443.761
Lãi chênh lệch tỉ giá	383.145.937	419.402.625
	<b>101.479.481.273</b>	<b>78.675.533.835</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi trái phiếu, tiền vay	193.322.081.453	161.717.506.427
Khác	14.396.518.630	20.309.137.927
	<b><u>207.718.600.083</u></b>	<b><u>182.026.644.354</u></b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>		
Chi phí khấu hao	2.005.367.340	3.363.797.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.417.827.785	35.685.945.286
Chi phí nhân công	31.124.252.696	31.325.802.433
Chi phí bán hàng khác	3.618.142.128	4.806.569.533
	<b><u>83.165.589.950</u></b>	<b><u>75.182.114.824</u></b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí khấu hao	5.997.832.172	3.881.808.920
Chi phí nhân công	26.610.854.946	20.621.306.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.785.103.266	23.283.832.040
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.861.868.399	12.301.696.529
	<b><u>76.255.658.783</u></b>	<b><u>60.088.643.531</u></b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.112.033.327.430	1.367.530.153.359
Chi phí nhân công	173.569.401.378	199.275.108.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	135.990.858.578	145.804.444.583
Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.877.289.125	173.857.495.434
Chi phí khác	30.753.207.075	44.473.301.062
	<b><u>1.647.224.083.586</u></b>	<b><u>1.930.940.502.916</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	38.963.442.255	103.708.341.838
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	46.746.351.093	23.080.537.213
<i>LN từ cty con</i>	(60.355.040.272)	(53.316.443.761)
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	25.354.753.076	73.472.435.290
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>5.070.950.613</b>	<b>14.694.487.058</b>



**Vũ Thị Thùy Linh**  
Người lập



**Nguyễn Thị Bình Minh**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Quý**  
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 01 năm 2024